

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 58/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Trần Thị Lsinh năm 1983; địa chỉ: thôn H, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

- *Bị đơn*: anh Tạ Văn C sinh năm 1971; địa chỉ thôn H, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị L và anh Tạ Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: giao cháu Tạ Thị H sinh ngày 13 tháng 6 năm 2004 và cháu Tạ An P sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009 cho anh Tạ Văn C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H, cháu P theo

phương thức định kỳ hàng tháng là 800.000 đồng (*tám trăm nghìn đồng*)/1 tháng/1 cháu, kể từ tháng 5 năm 2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cháu Tạ Thị M sinh ngày 21 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống nên chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: chị Trần Thị L và anh Tạ Văn C tự giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: chị Trần Thị L nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000835 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- UBND xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Phương